

Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân

Survey of satisfaction with clinical learning environment of nursing students at Duy Tan University

Hồ Thị Lan Vi^{a,b*}, Dương Thị Ngọc Bích^{a,b}, Phạm Thị Thảo^{a,b}
Lan Vi Thi Ho^{a,b*}, Ngọc Bích Thi Duong^{a,b}, Thao Thi Pham^{a,b}

^aKhoa Điều dưỡng, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

^bTrung tâm Thực hành Mô phỏng Y khoa; Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

^aFaculty of Nursing, Duytan University, Danang, 550000, Vietnam

^bMedical Simulation Center, Duytan University, Danang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 11/6/2020, ngày phản biện xong: 16/6/2020, ngày chấp nhận đăng: 27/8/2020)

Tóm tắt

Môi trường học tập lâm sàng là sự tương tác của các yếu tố trong môi trường lâm sàng có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên [8]. Giáo dục lâm sàng rất quan trọng vì nó giúp sinh viên điều dưỡng hiểu về thực hành lâm sàng, tạo điều kiện để có được kiến thức thực tế và thực hành trên người bệnh, đồng thời nó cũng gây ra căng thẳng cho sinh viên [13]. Mục tiêu của nghiên cứu này là mô tả mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng đối với môi trường học tập lâm sàng; xác định mối tương quan giữa mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố trong môi trường học tập lâm sàng. Phương pháp nghiên cứu là sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, với cỡ mẫu là 131 sinh viên điều dưỡng năm 4 Trường Đại học Duy Tân. Nghiên cứu này sử dụng thang đo CLES của Saarikoski và cộng sự, năm 2002, với Cronbach alpha là 0,97. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường học tập lâm sàng cao ($M = 3,85 \pm 0,42$). Trong đó, sinh viên hài lòng nhất về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn ($M = 4,08 \pm 0,52$). Có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê giữa mức độ hài lòng và không khí tại khoa thực tập, phong cách lãnh đạo của khoa, cơ sở điều dưỡng tại khoa, môi trường học tập tại khoa, mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn.

Từ khóa: sinh viên điều dưỡng; môi trường học tập lâm sàng.

Abstract

The clinical learning environment is an interaction of factors in the clinical environment that affect student learning outcomes [8]. Clinical education is important because it helps nursing students understand the clinical practice, facilitates practice and practical knowledge of patients, and it also creates stress for students [13]. Objectives were to describe the level of satisfaction of nursing students with a clinical learning environment; determine the correlation between student satisfaction and factors in the clinical learning environment. Methods were to use a descriptive, cross-sectional design with sample size of 131 senior nursing students of Duy Tan University. This study used the CLES scale of Saarikoski et al., 2002, Cronbach alpha was 0.97. Results showed that students' satisfaction with the clinical learning environment was high ($M = 3.85 \pm 0.42$). In particular, the most is "the relationship with instructors" ($M = 4.08 \pm 0.52$). There was a statistically significant positive correlation between satisfaction and ward atmosphere, the leadership style of the ward manager, premises of nursing care on the ward, the ward as a learning environment, and the relationship with instructors.

Keywords: nursing students; clinical learning environment.

* Corresponding Author: Lan Vi Thi Ho; Faculty of Nursing, Duytan University, Danang, 550000, Vietnam; Medical Simulation Center, Duytan University, Danang, 550000, Vietnam
Email: hothilanvi@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Môi trường học tập lâm sàng là sự tương tác của các yếu tố trong môi trường lâm sàng có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên [8]. Giáo dục lâm sàng rất quan trọng vì nó giúp sinh viên điều dưỡng hiểu về thực hành lâm sàng và tạo điều kiện để có được kiến thức thực tế, cũng như thực hành trên người bệnh [13].

Điều dưỡng là một nghề rất quan trọng trong hệ thống y tế, song song với học lý thuyết qua các bài giảng để xây dựng kiến thức nền tảng, quá trình thực hành trong phòng thực hành, phòng tiền lâm sàng, thực hành tại bệnh viện luôn luôn là một thành phần được xem là quan trọng trong quá trình đào tạo của khoa Điều dưỡng tại Trường Đại học Duy Tân. Hiểu được mức độ hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng có thể góp phần làm tăng hiệu quả của giáo dục thực hành lâm sàng. Tuy nhiên, ở Việt Nam nghiên cứu về sự hài lòng của sinh viên Điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng còn hạn chế. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: “Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên khoa Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân” với các mục tiêu sau:

1. Mô tả mức độ hài lòng của sinh viên Điều dưỡng đối với môi trường học tập lâm sàng.

2. Xác định mối liên quan giữa mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố trong môi trường học tập lâm sàng.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa điểm, thời gian và đối tượng nghiên cứu

Địa điểm: Khoa Điều dưỡng - Trường Đại học Duy Tân

Thời gian: Từ tháng 08/2019 đến tháng 05/2020

Đối tượng: Sinh viên Điều dưỡng năm 4 Trường Đại học Duy Tân.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân năm 4 đã hoàn thành tín chỉ đi thực hành lâm sàng học kì I và đồng ý tham gia vào nghiên cứu này. Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không có mặt trong quá trình thu thập dữ liệu hoặc những người không tham gia vào chương trình học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.2.2. Cỡ mẫu: 131 sinh viên

Với phương pháp chọn mẫu toàn bộ, chúng tôi lấy được 131 sinh viên phù hợp với tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ.

2.2.3. Chọn mẫu:

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ

Lấy vào mẫu nghiên cứu tất cả các đối tượng phù hợp với tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ.

2.2.4. Bộ công cụ:

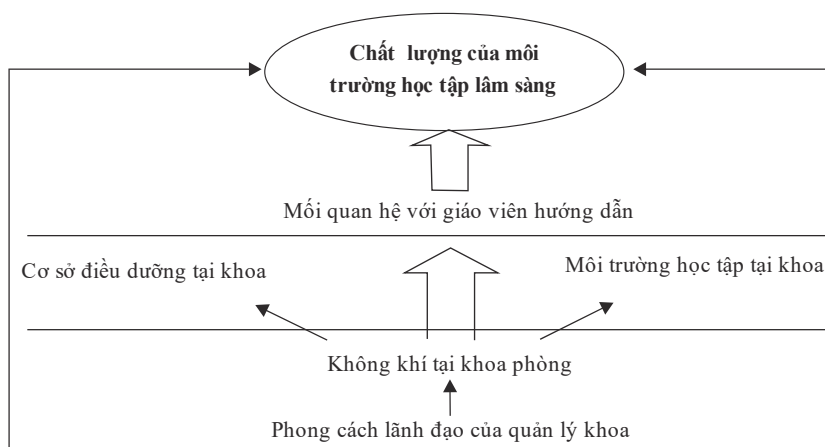
Nghiên cứu này sử dụng thang đo CLES của Saarikoski và cộng sự, năm 2002. Hiệu lực nội dung của công cụ được thiết lập thông qua đánh giá nghiên cứu từ những năm 1980 và 1990 với Cronbach alpha thay đổi từ 0,73 đến 0,94 [16]. Hệ số Cronbach alpha trong nghiên cứu này là 0,97.

2.2.5. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu: phát vấn, sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn để thu thập các thông tin.

2.2.6. Phương pháp xử lý số liệu: sử dụng phần mềm SPSS 20.0, Excel 2010.

2.3. Khung khái niệm:

Trong nghiên cứu này sử dụng mô hình khái niệm để đánh giá môi trường học tập lâm sàng của Saarikoski và cộng sự vào năm 2008. Khung lý thuyết phản ánh một loạt các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường học tập lâm sàng của sinh viên [16].



Biểu đồ 1. Khung khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường học tập lâm sàng

2.4. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện sau khi nhận được sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Duy Tân. Tất cả những người tham gia đã được thông báo về mục tiêu và thiết kế của nghiên cứu trước khi tiến hành điền phiếu điều tra. Dữ liệu thu thập được đảm bảo tính bảo mật. Những người tham gia đã được xác nhận rằng sự tham gia của họ là tự nguyện và được tự do

rời khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào họ muốn. Các thông tin thu thập được một cách trung thực, khách quan và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. Kết quả

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 131)

Đặc điểm		n	%
Tuổi	21	99	75,6
	≥ 22	32	24,4
Giới tính	Nam	8	6,1
	Nữ	123	93,9
Bệnh viện thực tập	Bệnh viện Đà Nẵng	47	35,9
	Bệnh viện C	25	19,1
	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	15	11,5
	Bệnh viện Quân y 17	23	17,6
	Trung tâm Y tế Quận Hải Châu	21	16,0
Sử dụng phương tiện internet để liên lạc với giáo viên	Có	112	85,5
	Không	19	14,5
Hướng dẫn làm quen với khoa lâm sàng trước khi bắt đầu thực tập	Có	131	100
	Không	0	0

Đối tượng nghiên cứu đang nằm trong độ tuổi 21 chiếm 75,6%. Có 123 sinh viên nữ, chiếm 93,9%. Bệnh viện mà sinh viên đã thực

tập trong đợt khảo sát này có tất cả 5 bệnh viện. Sinh viên thực tập nhiều nhất là ở Bệnh viện Đà Nẵng (35,9%). Trong quá trình thực tập, đa

phần sinh viên có liên lạc với giáo viên hướng dẫn của mình qua internet (85,5%). 100% sinh viên được hướng dẫn, làm quen với khoa phòng trước khi đi thực tập. (Bảng 1)

3.2. Mức độ hài lòng về môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên

Bảng 2. Mức độ hài lòng về môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên với các khía cạnh chung

	Mean ± SD
Không khí tại khoa phòng	3,70 ± 0,60
Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa	3,74 ± 0,53
Cơ sở điều dưỡng tại khoa	3,81 ± 0,55
Môi trường học tập tại khoa	3,77 ± 0,51
Mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn	4,08 ± 0,52
CLES	3,85 ± 0,42

Sinh viên đánh giá mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao ($M = 3,85 \pm 0,42$). Trong đó, sinh viên hài lòng nhất về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn ($M = 4,08 \pm 0,52$).

Bảng 3. Mức độ hài lòng về môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên

	Factor ranking	Item ranking	Mean	SD
I. Không khí tại khoa phòng	5		3,70	0,60
1. Dễ dàng tiếp cận được với nhân viên trong khoa		9	3,95	0,77
2. Các điều dưỡng trong khoa có tinh thần đoàn kết tốt		18	3,76	0,74
3. Trong các cuộc họp nhân viên (ví dụ: trước ca trực) tôi cảm thấy thoải mái tham gia vào các cuộc thảo luận		26	3,45	0,79
4. Tôi cảm thấy thoải mái khi đến khoa để bắt đầu ca trực		25	3,64	0,77
5. Có một bầu không khí tích cực tại khoa		24	3,69	0,77
II. Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa	4		3,74	0,53
6. Quản lý khoa coi nhân viên trong khoa của mình là nguồn lực chính		20	3,74	0,66
7. Quản lý khoa là một thành viên của nhóm tham gia vào chăm sóc người bệnh		17	3,77	0,63
8. Những phản hồi từ quản lý khoa được nhân viên coi là một tình huống học tập		22	3,73	0,61
9. Sự nỗ lực của từng nhân viên được đánh giá cao		21	3,73	0,65
III. Cơ sở điều dưỡng tại khoa	2		3,81	0,55
10. Các học thuyết điều dưỡng (những khái niệm trong lĩnh vực điều dưỡng và căn cứ vào đó để biết được chân lý, chỉ đạo hoạt động) của khoa đã được xác định rõ ràng		16	3,78	0,64
11. Mỗi người bệnh được chăm sóc với một kế hoạch điều dưỡng riêng biệt		23	3,71	0,76
12. Những thông tin phục vụ việc chăm sóc người bệnh được cung cấp đầy đủ và chính xác		11	3,92	0,55

13. Các tài liệu về điều dưỡng (ví dụ: kế hoạch điều dưỡng, ghi chép hàng ngày các quy trình điều dưỡng, v.v...) được cung cấp rõ ràng và đầy đủ		14	3,83	0,62
IV. Môi trường học tập tại khoa	3		3,77	0,51
14. Việc làm quen các vấn đề cơ bản tại khoa được tổ chức tốt		15	3,82	0,59
15. Các nhân viên thường quan tâm đến việc giám sát sinh viên		19	3,76	0,69
16. Nhân viên trong khoa cố gắng để biết tên từng sinh viên		27	3,29	0,84
17. Có những tình huống lâm sàng có ý nghĩa để học tập tại khoa		10	3,92	0,60
18. Các tình huống lâm sàng đa chiều về nội dung		13	3,85	0,66
19. Khoa có thể được coi là một môi trường học tập tốt		7	4,00	0,61
V. Mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn	1		4,08	0,52
20. Giáo viên hướng dẫn có một thái độ tích cực khi hướng dẫn cho sinh viên		1	4,19	0,58
21. Tôi cảm thấy rằng tôi đã nhận được sự hướng dẫn riêng từ giáo viên hướng dẫn		8	3,98	0,69
22. Tôi liên tục nhận được phản hồi từ giáo viên hướng dẫn của mình		12	3,87	0,70
23. Nhìn chung, tôi hài lòng với sự hướng dẫn mà tôi nhận được		5	4,08	0,62
24. Việc hướng dẫn dựa trên mối quan hệ bình đẳng và thúc đẩy việc học		2	4,18	0,57
25. Mối quan hệ giữa tôi và giáo viên hướng dẫn có một sự tương tác lẫn nhau		4	4,11	0,63
26. Trong mối quan hệ giữa tôi và giáo viên hướng dẫn đề cao sự tôn trọng		3	4,12	0,58
27. Mối quan hệ giữa tôi và giáo viên hướng dẫn được đặc trưng bởi một cảm giác tin cậy		6	4,08	0,60

Các yếu tố mà sinh viên thấy hài lòng nhất khi đi thực hành lâm sàng là: “Giáo viên hướng dẫn có một thái độ tích cực khi hướng dẫn cho sinh viên” ($M = 4,19 \pm 0,58$), “Việc hướng dẫn dựa trên mối quan hệ bình đẳng và thúc đẩy việc học” ($M = 4,18 \pm 0,57$), “Sự tôn trọng và chấp thuận lẫn nhau chiếm ưu thế trong mối quan hệ giữa sinh viên và giáo viên hướng dẫn” ($M = 4,12 \pm 0,58$). Yếu tố có mức độ thấp nhất

là “Nhân viên trong khoa cố gắng để biết tên từng sinh viên” ($M = 3,29 \pm 0,84$).

3.3. Mối liên quan giữa mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố trong môi trường học tập lâm sàng.

Bảng 4. Mối liên quan giữa mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố trong môi trường học tập lâm sàng.

Mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng	
Không khí tại khoa phòng	0,805**
Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa	0,765**
Cơ sở điều dưỡng tại khoa	0,824**
Môi trường học tập tại khoa	0,864**
Mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn	0,695**

***. p < 0,01*

Có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê giữa mức độ hài lòng của sinh viên và không khí tại khoa thực tập, phong cách lãnh đạo của khoa, cơ sở điều dưỡng tại khoa, môi trường học tập tại khoa, mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn. Trong đó, mối tương quan giữa môi trường học tập tại khoa và mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên có giá trị *r* cao nhất (0,864). (Bảng 4)

4. Bàn luận

4.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành trên sinh viên năm cuối, nên đa phần các bạn đang nằm trong độ tuổi 21 (75,6%). Có 123 bạn sinh viên nữ, chiếm 93,9%. Điều này phù hợp với đặc điểm của ngành Điều dưỡng. Sinh viên thực tập nhiều nhất là ở Bệnh viện Đà Nẵng (35,9%). Đây là bệnh viện lớn nhất tại thành phố Đà Nẵng, có cơ sở vật chất, nhiều khoa phòng vì vậy sinh viên tham gia thực tập đông nhất. Đa phần các bạn sinh viên có liên lạc với giáo viên hướng dẫn của mình qua internet (85,5%). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Johansson, U. B. và cộng sự vào năm 2010 cho thấy 87% số sinh viên được hỏi có sử dụng hình thức giao tiếp điện tử với giáo viên hướng dẫn [7]. Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông nên rất nhiều sinh viên và giáo viên hướng dẫn của mình đã lựa chọn liên lạc qua internet để trao đổi thông tin, hướng dẫn, giải đáp cho đợt thực tập lâm sàng. 100% sinh viên được hướng dẫn, làm quen với khoa phòng trước khi đi thực tập. Trong khi kết quả của Johansson, U. B., và

cộng sự cho thấy chỉ có 44% đối tượng nghiên cứu báo cáo rằng họ đã được hướng dẫn, làm quen với khoa phòng trước khi đi thực tập [7]. Việc hướng dẫn cho sinh viên làm quen với khoa bệnh viện trước khi đi thực tập là một việc rất được chú trọng tại khoa Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân.

4.2. Mức độ hài lòng về môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên

Sinh viên đánh giá mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao ($M = 3,85 \pm 0,42$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của các tác giả Saarikoski, M., và Leino-Kilpi, H. (2002); Papastavrou, E. và cộng sự (2016); Papastavrou, E. và cộng sự (2010). Theo kết quả nghiên cứu của Saarikoski, M., và Leino-Kilpi, H. sinh viên đã đánh giá môi trường học tập lâm sàng của họ là “tốt” (3,47 - 3,78) [16]. Theo kết quả nghiên cứu của Papastavrou, E. và cộng sự, điểm trung bình của sinh viên điều dưỡng về mức độ hài lòng được ước tính là 4,1 [13]. Còn theo nghiên cứu của Papastavrou, E. và cộng sự vào năm 2010, sinh viên đã đánh giá sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng là “tốt”, (3,27 - 3,61) [12]. Hiện nay, trong các chương trình giáo dục điều dưỡng tại các trường đều hiểu rõ được tầm quan trọng của việc học tập lâm sàng tại bệnh viện của sinh viên điều dưỡng nên đã chú trọng quan tâm và cải thiện môi trường học tập lâm sàng. Điều này thể hiện qua kết quả của các nghiên cứu. Theo kết quả của nghiên cứu này, sinh viên hài lòng nhất về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn ($M = 4,08 \pm 0,52$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Bergjan, M., và Hertel, F.

(2013) [1]. Cũng như kết quả nghiên cứu của Papastavrou, E. và cộng sự vào năm 2016, mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến sự hài lòng của sinh viên [13]. Giáo viên hướng dẫn là người gần gũi với sinh viên nhất trong quá trình thực hành, việc giám sát, hướng dẫn cho sinh viên trong quá trình thực hành phản ánh được mức độ hài lòng của sinh viên.

Trong nghiên cứu này, mặc dù mức độ hài lòng của sinh viên về không khí tại khoa thực tập vẫn đang ở mức tốt, nhưng trong các khía cạnh về mức độ hài lòng thì không khí tại khoa phòng thực tập lại có mức độ hài lòng ở sinh viên là thấp nhất. Theo kết quả nghiên cứu của Saarikoski, M., và Leino-Kilpi, H. tất cả những sinh viên được hỏi đều cho điểm cao nhất về không khí tại khoa phòng thực tập ($M = 3,78 \pm 1,05$) [16]. Cho thấy trong nghiên cứu này, tại các khoa bệnh viện mà sinh viên thực tập thì bầu không khí vẫn khá khó khăn để sinh viên tiếp cận và học tập tại đó. Có thể giải thích rằng, đặc thù tại các khoa bệnh viện ở Đà Nẵng mà sinh viên thực tập có số lượng người bệnh khá đông, khối lượng công việc mà các nhân viên y tế thực hiện rất nhiều, điều này phần nào ảnh hưởng đến việc dành thời gian cho sự quan tâm hướng dẫn mà nhân viên y tế dành cho sinh viên. Cộng với việc tại 1 thời điểm số lượng sinh viên thực tập tại khoa khá đông nên khá khó cho việc nhân viên y tế tại khoa quản lý cũng như quan tâm từng sinh viên.

Các yếu tố có mức độ hài lòng cao này đều nằm trong nhóm yếu tố về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn. Các yếu tố mà sinh viên có mức độ hài lòng thấp đều liên quan đến các khía cạnh tại bệnh viện bao gồm nhân viên y tế và người bệnh. Điều này khác với kết quả nghiên cứu của Saarikoski, M., và Leino-Kilpi, H. (2002), sinh viên rất hài lòng và cảm thấy thoải mái khi đến khoa để bắt đầu ca làm việc (4,08) và “Có một bầu không khí tích cực tại khoa” (3,79). Hai mục này là báo cáo được đánh giá cao nhất. Giá trị trung bình thấp nhất

(2,85) đã đạt được bằng tuyên bố “Tôi liên tục nhận được phản hồi từ người cố vấn của mình” [16].

Sự khác biệt này cho thấy rằng, sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân nhận được sự hướng dẫn rất tốt từ giáo viên hướng dẫn của mình, đặc biệt là họ rất hài lòng vì giáo viên hướng dẫn có một thái độ tích cực khi hướng dẫn cho sinh viên. Và ngược lại dường như sinh viên nhận thấy các nhân viên y tế trong khoa chưa cố gắng để biết tên từng sinh viên, trong các cuộc họp nhân viên, sinh viên cảm thấy chưa thật sự thoải mái tham gia vào các cuộc thảo luận. Điều này cản trở lớn đến tinh thần của sinh viên khi tham gia học tập trên lâm sàng.

4.3. Mối liên quan giữa mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố trong môi trường học tập lâm sàng

Trong nghiên cứu này, có mối tương quan thuận giữa mức độ hài lòng của sinh viên, không khí tại khoa thực tập, phong cách lãnh đạo của khoa, cơ sở điều dưỡng tại khoa, môi trường học tập tại khoa và mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Papastavrou, E. và cộng sự (2010); Bergjan, M., và Hertel, F. (2013); d'Souza, M. S. và cộng sự vào năm 2015; Papastavrou, E. và cộng sự (2016); Shabnum, H., và Majeed Afzal, A. (2018) [1], [4], [12], [13], [17]. Trong nghiên cứu này, mối liên quan giữa mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên và môi trường học tập tại khoa có giá trị r cao nhất (0,864). Nghiên cứu của Shabnum, H., và Majeed Afzal, A. (2018); Papastavrou, E. và cộng sự (2016) cho thấy mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên có mối liên quan lớn nhất với khía cạnh mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn [13][17]. Còn kết quả nghiên cứu của Bergjan, M., và Hertel, F. (2013) thì mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên có mối liên quan lớn nhất với không

khí tại khoa thực tập [1]. Trong nghiên cứu này, yếu tố về môi trường học tập tại khoa có sự ảnh hưởng lớn nhất đối với mức độ hài lòng của sinh viên. Nếu tạo cho sinh viên một môi trường học tập tốt bằng việc giúp sinh viên làm quen với các vấn đề xảy ra tại khoa thực tập, tăng cường sự quan tâm và hướng dẫn sinh viên của các nhân viên y tế, đồng thời tạo ra các tình huống lâm sàng có ý nghĩa cho sinh viên học tập thì những điều này sẽ có ảnh hưởng tích cực nhất đối với sự hài lòng của sinh viên.

5. Kết luận

- Sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân đánh giá mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao ($M = 3,85 \pm 0,42$) với thang đo từ 1 đến 5. Trong đó, sinh viên hài lòng nhất về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn ($M = 4,08 \pm 0,52$).

- Có mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê giữa mức độ hài lòng của sinh viên và không khí tại khoa thực tập, phong cách lãnh đạo của khoa, cơ sở điều dưỡng tại khoa, môi trường học tập tại khoa, mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn.

Hạn chế

Dữ liệu thu được từ nghiên cứu này chỉ giới hạn trong một khoa Điều dưỡng của một trường nên không thể khái quát được cho tất cả các trường có đào tạo sinh viên Điều dưỡng. Nghiên cứu này đã sử dụng bảng câu hỏi tự báo cáo, có thể làm tăng khả năng có sự sai số kết quả. Ngoài ra, phương pháp giảng dạy của người giáo viên hướng dẫn chưa được xem xét, có thể có sự không đồng nhất giữa các giáo viên hướng dẫn sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng. Một hạn chế của phương pháp nghiên cứu này là sinh viên cung cấp thông tin về mức độ hài lòng chỉ tại một thời điểm, trong khi mức độ hài lòng có thể thay đổi vào những thời điểm khác nhau, vì vậy việc thu thập dữ liệu theo

chiều dọc sẽ là một phương pháp nhất quán để tránh hạn chế này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bergjan, M., & Hertel, F. (2013). Evaluating students' perception of their clinical placements - Testing the clinical learning environment and supervision and nurse teacher scale (CLES+ T scale) in Germany. *Nurse education today*, 33(11), 1393-1398.
- [2] Chuan, O. L., & Barnett, T. (2012). Student, tutor and staff nurse perceptions of the clinical learning environment. *Nurse education in practice*, 12(4), 192-197.
- [3] Dimitriadou, M., Papastavrou, E., Efstathiou, G., & Theodorou, M. (2015). Baccalaureate nursing students' perceptions of learning and supervision in the clinical environment. *Nursing & health sciences*, 17(2), 236-242.
- [4] d'Souza, M. S., Karkada, S. N., Parahoo, K., & Venkatesaperumal, R. (2015). Perception of and satisfaction with the clinical learning environment among nursing students. *Nurse Education Today*, 35(6), 833-840.
- [5] Evans, W., & Kelly, B. (2004). Pre-registration diploma student nurse stress and coping measures. *Nurse Education Today*, 24(6), 473-482.
- [6] Gies, M. L. (2013). Mentoring clinical adjunct nursing faculty. *International Journal of Human Caring*, 17(3), 35-40.
- [7] Johansson, U. B., Kaila, P., Ahlner-Elmqvist, M., Leksell, J., Isoaho, H., & Saarikoski, M. (2010). Clinical learning environment, supervision and nurse teacher evaluation scale: psychometric evaluation of the Swedish version. *Journal of advanced nursing*, 66(9), 2085-2093.
- [8] Jokelainen, M., Turunen, H., Tossavainen, K., Jamookeah, D., & Coco, K. (2011). A systematic review of mentoring nursing students in clinical placements. *Journal of clinical nursing*, 20(19-20), 2854-2867.
- [9] Lambert, V., & Glacken, M. (2005). Clinical education facilitators: a literature review. *Journal of clinical nursing*, 14(6), 664-673.
- [10] Lewin, D. (2007). Clinical learning environments for student nurses: key indices from two studies compared over a 25 year period. *Nurse Education in Practice*, 7(4), 238-246.
- [11] Moscaritolo, L. M. (2009). Interventional strategies to decrease nursing student anxiety in the clinical learning environment. *Journal of nursing education*, 48(1), 17-23.
- [12] Papastavrou, E., Lambrinou, E., Tsangari, H., Saarikoski, M., & Leino-Kilpi, H. (2010). Student nurses experience of learning in the clinical environment. *Nurse Education in Practice*, 10(3), 176-182.

- [13] Papastavrou, E., Dimitriadou, M., Tsangari, H., & Andreou, C. (2016). Nursing students' satisfaction of the clinical learning environment: a research study. *BMC nursing*, 15(1), 44.
- [14] Papp, I., Markkanen, M., & von Bonsdorff, M. (2003). Clinical environment as a learning environment: student nurses' perceptions concerning clinical learning experiences. *Nurse Education Today*, 23(4), 262-268.
- [15] Roberts, D., 2008. Learning in clinical practice: the importance of peers. *Nursing Standard*, 23(12), 35-41.
- [16] Saarikoski, M., & Leino-Kilpi, H. (2002). The clinical learning environment and supervision by staff nurses: developing the instrument. *International journal of nursing studies*, 39(3), 259-267.
- [17] Shabnum, H., & Majeed Afzal, A. (2018). Nursing Students' Satisfaction with Clinical Learning Environment. *International Journal of Graduate Research and Review*, 4(2), 58-63.